TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 13 – 05 - 2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1963; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang;

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Trần Ngọc M trình bày:

Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Hữu P, sinh năm 2002. Đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, có bạo lực gia đình, bà H chửi ông và đánh ông.

Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày:

Bà H thống nhất với phần trình bày của ông M về việc kết hôn, đăng ký kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống bà và ông M chỉ sống hạnh phúc khoảng 03 năm đầu, sau khi kết hôn. Sau đó hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông M đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập bà.

- Nay bà H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: cho ông Trần Ngọc M được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H.

2/ Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, bị đơn bà Lê Thị Mỹ H, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn xin ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Ngọc M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H.

- Người kháng cáo bà Lê Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục

theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M là phù hợp pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm bà H kháng cáo nhưng không có cung cấp tài liệu chứng cứ mới nào để xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 25/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Ngọc M với bị đơn bà Lê Thị Mỹ H là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Trần Ngọc M yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp yêu cầu xin ly hôn" là có căn cứ đúng qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Theo ông M trình bày, trong quá trình chung sống thì ông và bà H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, bạo lực gia đình.

-Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà H cũng thừa nhận sau khi kết hôn bà và ông M chỉ sống hạnh phúc 03 năm đầu, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông M thường hay đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập bà, bà cố chịu đựng cho đến nay. Bà không đồng ý ly hôn vì không có nhà ở.

Từ các căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là có căn cứ. Bà Lê Thị Mỹ H kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Lê Thị Mỹ H được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 25/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Ngọc M được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ H.

- Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu.

- Về tài sản chung: không yêu cầu.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Mỹ H được miễn án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

- Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010634 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân